



Working Paper 2021.2.2.05
- Vol 2, No 2

**QUỐC HỮU HOÁ VÌ LÝ DO MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CỦA
EVIPA VÀ CPTPP**

Quách Thị Yên¹

Sinh viên K57 Luật Thương mại quốc tế – Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngô Quốc Chiến

Giảng viên Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, hợp tác quốc tế để phát triển là một vấn đề mà mỗi quốc gia đều chú trọng đẩy mạnh, trong đó, hoạt động nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài là vấn đề nhận được sự quan tâm rất lớn. Tuy nhiên để tránh rủi ro không đáng có khi tiếp nhận đầu tư, hiện nay, các hiệp định song phương cũng như đa phương thường có các quy định về những trường hợp ngoại lệ mà theo đó tạo cơ sở pháp lý để nước tiếp nhận đầu tư được phép tước quyền sở hữu của nhà đầu tư. Trong đó, môi trường cũng là một ngoại lệ quan trọng được các quốc gia quan tâm đàm phán với mục tiêu bảo vệ, giữ gìn và ngăn ngừa những tác động xấu đến môi trường. Câu hỏi làm thế nào để áp dụng ngoại lệ này để biến nó thành cơ sở để thực hiện các biện pháp quốc hữu hóa một cách hợp pháp tài sản của nhà đầu tư nước ngoài luôn được các nước tiếp nhận đầu tư quan tâm, trong đó có Việt Nam.

Từ khóa: CPTPP, EVIPA, bảo vệ môi trường, quốc hữu hóa, ngoại lệ.

**NATIONALIZATION FOR ENVIRONMENTAL PURPOSE ACCORDING TO
THE EVIPA AND CPTPP**

Abstract

In the context of global integration, international cooperation to develop is an important problem that each nation is promoting, in which activity aimed at attracting foreign investment is an issue that receives great attention. However, to avoid unnecessary risks when receiving investment, at present, bilateral as well as multilateral agreements often contain provisions on exceptions, which create a legal basis for the recipient countries to deprive the investors' ownership. In particular, the environment is also an important exception that is carefully negotiated by countries to protect, preserve, and preventing adverse impacts on the environment. The question of how to apply this

¹ Tác giả liên hệ, Email: yen181220@ftu.edu.vn

exception to make it the basis for legally implementing measures to nationalize foreign investors' assets has always been a fundamental issue to recipient countries, which includes Vietnam.

Keywords: CPTPP, EVIPA, environmental protection, nationalization, exceptions.

1. Lời mở đầu

Theo nguyên tắc chủ quyền quốc gia của Luật quốc tế, mỗi quốc gia đều có quyền xử lý và định đoạt tài sản, tài nguyên trên lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, hiện nay, để bảo đảm an toàn cho nhà đầu tư nước mình khi sang nước ngoài, cũng là để thu hút đầu tư nước ngoài, trong các Hiệp định, các nước thường quy định rất rõ các điều khoản về bảo hộ đầu tư, trong đó cam kết không quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư nước ngoài và phải chịu bồi thường nếu hành vi đó bị coi là trái với luật pháp quốc tế.

Mặt khác, để tạo ra công cụ cân bằng giữa yêu cầu của bảo hộ đầu tư nước ngoài và bảo vệ các giá trị bền vững của nước tiếp nhận đầu tư, các Hiệp định này cũng quy định các ngoại lệ để các nước tiếp nhận đầu tư có thể áp dụng quốc hữu hóa như là một công cụ hợp pháp.

Về cơ bản, các ngoại lệ bao gồm: các ngoại lệ chung, các ngoại lệ cụ thể nêu ra trong các hiệp định đầu tư và những ngoại lệ riêng cho từng quốc gia, tuy nhiên trong bài viết này tác giả chỉ giới hạn tìm hiểu những ngoại lệ liên quan đến môi trường. Trên lập trường đó, bài viết chủ yếu nghiên cứu các nội dung chính: cái nhìn tổng quan về quốc hữu hóa, điều kiện áp dụng các ngoại lệ về môi trường trong CPTPP; EVIPA; đồng thời xem xét thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến lĩnh vực này để rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc áp dụng các biện pháp quốc hữu hóa vì môi trường.

2. Tổng quan về quốc hữu hóa

2.1. Khái niệm quốc hữu hóa (Nationalization)

Quốc hữu hóa không phải là một thuật ngữ mới trong lĩnh vực đầu tư cả ở trong nước lẫn quốc tế và là một trong nhiều nội dung quan trọng trong các Hiệp định đầu tư quốc tế (IIA). Thuật ngữ này được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Theo trang web Investopedia – “bách khoa toàn thư” về đầu tư của Mỹ, quốc hữu hóa được đề cập đến là “*quá trình đưa các công ty, ngành công nghiệp hoặc tài sản do tư nhân kiểm soát và đặt chúng dưới sự kiểm soát của chính phủ*”. Cũng theo trang web này, “*Quốc hữu hóa là một trong những rủi ro chính đối với các nhà đầu tư nước ngoài do có khả năng bị tịch thu tài sản đáng kể mà không được bồi thường.*”

Còn theo Từ điển Cambridge, quốc hữu hóa là quá trình chính phủ giành quyền kiểm soát một ngành công nghiệp hoặc một công ty và biến chúng thành sở hữu nhà nước.

Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau, tuy nhiên, đa số các học giả đều nhận định quốc hữu hóa là quá trình biến sở hữu tư nhân thành sở hữu nhà nước. Đây là quyết định liên quan đến quyền sở hữu của nhà nước đối với các tài sản. Hành động này thể hiện quyền lực đơn phương của nhà nước với một số mục đích quan trọng chẳng hạn như giúp đỡ những ngành công nghiệp thất bại hoặc vì mục tiêu bảo vệ mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

2.2. Nguyên nhân của việc quốc hữu hóa

Có nhiều nguyên nhân có thể được đưa ra khi một nhà nước tiến hành quốc hữu hóa, chẳng hạn: *“Việc quốc hữu hóa, sung công hay trưng dụng cần dựa trên những cơ sở thực tế hoặc lý do sử dụng vào mục đích công, an ninh hoặc lợi ích quốc gia được xem là quan trọng hơn lợi ích cá nhân hoặc tư nhân, cả đối với đối tượng trong nước và nước ngoài.”* theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 1803 (XVII) ngày 14/12/1962 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Chủ quyền vĩnh viễn đối với tài nguyên thiên nhiên”.

Hay theo Điều 14 của Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA), một nước thành viên ASEAN có thể trực tiếp hoặc gián tiếp trưng dụng hoặc quốc hữu hóa một khoản đầu tư trong những trường hợp ngoại lệ sau:

“Một Quốc gia Thành viên không được tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa một khoản đầu tư được đề cập một cách trực tiếp hoặc thông qua các biện pháp tương đương với tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa (“tước quyền sở hữu”), ngoại trừ:

(a) là vì mục đích công;

(b) được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử;

(c) sau đó phải thanh toán khoản bồi thường một cách nhanh chóng, đầy đủ là hiệu quả;

(d) phù hợp với quy trình đúng của luật.”

2.3. Các hình thức quốc hữu hóa

Việc quốc hữu hóa có thể được diễn ra có hoặc không có tiền bồi thường cho các chủ sở hữu cũ (with or without compensation). Vấn đề bồi thường do quốc hữu hóa đã được quy định tại Điều 4 Nghị quyết 1803 (XVII) ngày 14/12/1962 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Chủ quyền vĩnh viễn đối với tài nguyên thiên nhiên”, theo đó: *“...Trong những trường hợp như vậy, người sở hữu sẽ được bồi thường thỏa đáng, phù hợp với những quy định hiện hành ở quốc gia áp dụng các biện pháp trên nhằm thực hiện chủ quyền quốc gia và phù hợp với luật quốc tế...”*

Hoặc theo một cách phân loại khác, quốc hữu hóa có thể được diễn ra dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Quốc hữu hóa trực tiếp được hiểu là việc chuyển đổi chính thức pháp danh hoặc thu giữ toàn bộ đầu tư của một nhà đầu tư. Quốc hữu hóa gián tiếp bao gồm một hoặc một loạt các biện pháp nhằm tước quyền sở hữu của nhà đầu tư mà thậm chí không cần bất kỳ một sự chuyển đổi chính thức nào. Nhìn chung, việc quyết định liệu hành vi của một nhà nước có được coi là quốc hữu hóa gián tiếp hay không thường là vấn đề gây tranh cãi do các hiệp định đầu tư ký kết trong quá khứ không đưa ra các ngưỡng để xác định hình thức quốc hữu hóa này

2.4. Tác động của quốc hữu hóa

Theo các học giả, quốc hữu hóa là một trong những rủi ro chính đối với các nhà đầu tư nước ngoài do có khả năng bị tịch thu tài sản đáng kể mà không được bồi thường. Nguy cơ này càng gia tăng ở các nước có sự lãnh đạo chính trị không ổn định và các nền kinh tế trì trệ. Kết quả quan trọng của việc quốc hữu hóa là chuyển hướng doanh thu cho chính phủ của quốc gia thay vì các nhà khai thác tư nhân, những người chỉ có thể tạo vốn mà không mang lại lợi ích gì cho quốc gia sở tại.

3. Khung pháp lý quốc tế về vấn đề quyền thực hiện quốc hữu hóa của nhà nước đối với nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động kinh doanh gây tác hại cho môi trường trong CPTPP và EVIPA

Theo thống kê của UNCTAD, hiện trên thế giới có trên 2.896 Hiệp định đầu tư song phương (BIT) và hầu hết các hiệp định đó đều có điều khoản chống trút hữu và quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư nước ngoài. Mặc dù ngôn từ của điều khoản có thể khác nhau nhưng theo nhận định của TS. Trần Việt Dũng trong bài viết ““Trút hữu tài sản của nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp làm ô nhiễm môi trường” đăng tại Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam số 05(99)/2016 thì *“nội dung của các điều khoản này thường sẽ có nội hàm rằng “tài sản của [các] nhà đầu tư của các bên ký kết [BIT] không bị trút hữu/ quốc hữu hóa hoặc là đối tượng của các biện pháp có ảnh hưởng tương đương với trút hữu và quốc hữu hóa [...]” hoặc “các biện pháp khác có ảnh hưởng tới việc tước đoạt trực tiếp hoặc gián tiếp tài sản của nhà đầu tư [nước ngoài]”. Trong hai thập niên trở lại đây, một số quốc gia còn lồng ghép điều khoản chống trút hữu trong các hiệp định thương mại khu vực tự do (FTA) nhằm gia tăng sự bảo hộ lợi ích cho những doanh nghiệp của mình trong kinh doanh quốc tế.”*

3.1. Ngoại lệ khi áp dụng quốc hữu hóa về môi trường trong CPTPP và EVIPA

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một ví dụ điển hình của một FTA theo mô hình này. Cụ thể:

“Không Bên nào được phép thu hồi hoặc quốc hữu hóa một dự án đầu tư được bảo đảm cụ thể, bất kỳ dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với biện pháp thu hồi hoặc quốc hữu hóa, ngoại trừ:

- (a) phục vụ cho mục đích công ích;*
- (b) thực hiện theo cách không phân biệt đối xử;*
- (c) để chi trả khoản bồi thường đúng lúc, đúng số lượng và đúng thời hạn theo quy định của các khoản 2, 3 và 4;*
- (d) theo đúng quy trình tố tụng chuẩn tắc quy định trong luật.”*

Theo đó có thể hiểu là nước tiếp nhận đầu tư phải bảo đảm các chế độ bảo hộ đầu tư theo “chuẩn mực quốc tế tối thiểu”, tức là mọi biện pháp đầu tư (bao gồm cả trút hữu/ quốc hữu hóa) phải được thực hiện theo một quy trình và hình thức được chấp nhận theo chuẩn mực quốc tế. Quốc hữu hóa chỉ được coi là hợp pháp nếu nó đáp ứng đúng theo một trong số các tiêu chí đã nêu ở trên. Tiêu chí thứ nhất, phục vụ mục đích công ích được hiểu là vì nhu cầu trong nước, chứ không phải là hành vi “trả đũa giữa các quốc gia”. Tiêu chí thứ hai, không phân biệt đối xử có vai trò cực kỳ quan trọng vì tiêu chí này sẽ quyết định mức bồi thường mà quốc gia tiếp nhận phải trả, quốc gia này có thể bị phạt hoặc phải thi hành nghĩa vụ khôi phục tình trạng ban đầu nếu phát hiện có phân biệt đối xử. Tiêu chí “đúng thủ tục” thường được hiểu là khi có các vấn đề liên quan đến hành vi tước quyền sở hữu, đặc biệt là mức bồi thường, nhà đầu tư được đề nghị một cơ quan tài phán độc lập trong nước xem xét lại.

Tương tự, ở Khoản 1 Điều 2.7 Trưng dụng thuộc Chương 2 Bảo hộ đầu tư của Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam – EU (EVIPA) cũng có nêu rõ:

“Một Bên không được quốc hữu hóa hoặc trưng dụng các khoản đầu tư được bảo hộ của các nhà đầu tư của Bên kia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với quốc hữu hóa hoặc trưng dụng (sau đây gọi là “trưng dụng”), ngoại trừ:

- (a) vì mục đích công cộng;*

- (b) được thực hiện thông qua quy trình hợp pháp;*
- (c) dựa trên cơ sở không phân biệt đối xử; và*
- (d) được bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả.”*

Điều này còn nhấn mạnh nếu nhà đầu tư bị trưng dụng phải có quyền yêu cầu cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác của Bên đó xem xét khiếu nại của mình và định giá khoản đầu tư của mình theo luật của Bên trưng dụng, ngoài ra còn phải tuân thủ theo Phụ lục 4 Hiệp định này, theo đó để trưng dụng hợp pháp đòi hỏi cuộc điều tra tùy từng tình huống cụ thể và dựa vào tình tiết thực tế; có loại trừ Các biện pháp hoặc một loạt các biện pháp không phân biệt đối xử do một Bên thực hiện nhằm bảo vệ mục tiêu chính sách công hợp pháp không cấu thành trưng dụng gián tiếp, trừ một số trường hợp hiếm nếu tác động của chúng đặc biệt nghiêm trọng sau khi xét thấy mục đích của chúng rõ ràng là vượt mức cần thiết.

Tuy nhiên, đã có một sự tiến bộ vượt bậc khi tại CPTPP đã có quy định cho phép Bên tham gia được ban hành, duy trì hoặc thực thi các biện pháp phù hợp với quy định trong Chương 9 nếu các biện pháp đó đảm bảo cho hoạt động đầu tư trên lãnh thổ của mình được thực hiện trên cơ sở phù hợp với các mục tiêu quản lý môi trường, y tế hoặc các mục tiêu quản lý khác tại Điều 9.15.

Hơn thế, tại Khoản 5 Điều 20.3 cũng có quy định: “Các Bên công nhận rằng mỗi Bên giữ lại các quyền tự quyết và đưa ra quyết định liên quan đến: (a) các vấn đề về điều tra, truy tố, quản lý và tuân thủ; và (b) sự phân bổ nguồn lực thực thi pháp luật về môi trường liên quan đến pháp luật khác về môi trường được xác định để đạt mức ưu tiên cao hơn. Theo đó, các Bên hiểu rằng, đối với việc thi hành pháp luật về môi trường, một Bên được coi là tuân thủ các quy định tại khoản 4 nếu một quá trình hành động hoặc không hành động phản ánh việc áp dụng hợp lý theo quyền quyết định đó, hoặc kết quả từ một quyết định ngay tình liên quan đến việc phân bổ các nguồn lực phù hợp với các ưu tiên cho việc thi hành pháp luật về môi trường của Bên đó.”

Các quy định này cho thấy nước tiếp nhận đầu tư hoàn toàn có thể thực hiện các biện pháp mà nước đó cho là cần thiết, bao gồm cả quốc hữu hóa để đảm bảo các mục tiêu quản lý môi trường, y tế hoặc các mục tiêu quản lý khác. Như vậy, có thể nhận định các quốc gia đang ngày một quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, thậm chí CPTPP còn quy định một chương riêng về vấn đề môi trường (Chương 20).

3.2. Quy định về bồi thường do quốc hữu hóa trong CPTPP và EVIPA

Khoản 2,3,4 Điều 9.8 Chương 9 Đầu tư của CPTPP có quy định:

“2. Việc bồi thường sẽ:

- (a) được thanh toán không chậm trễ;*
- (b) tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước khi việc tước quyền sở hữu xảy ra (“ngày tước quyền sở hữu”);*
- (c) không được phản ánh bất kỳ thay đổi về giá trị do việc tước quyền sở hữu dự kiến đã được biết trước;*
- (d) có tính thanh khoản hữu hiệu và được chuyển đổi tự do.*

3. Nếu giá thị trường được tính bằng đồng tiền tự do sử dụng, khoản bồi thường sẽ không thấp hơn giá thị trường vào ngày tước quyền sở hữu, cộng với lãi tính theo lãi suất thương mại hợp lý cho đồng tiền đó, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán.

4. Nếu giá thị trường tính bằng đồng tiền không được tự do sử dụng, khoản bồi thường chuyển đổi sang đồng tiền thanh toán theo tỷ giá hối đoái thị trường vào ngày thanh toán sẽ không thấp hơn:

(a) giá thị trường vào ngày tước quyền sở hữu, chuyển đổi sang đồng tiền tự do sử dụng theo tỷ giá hối đoái thị trường áp dụng cho ngày đó, cộng với

(b) lãi theo lãi suất thương mại hợp lý áp dụng cho đồng tiền tự do sử dụng, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán.”

Đồng thời, tại Khoản 2,3 Điều 2.7 Chương 2 Bảo vệ đầu tư của EVIPA cũng chỉ rõ:

“2. Khoản bồi thường nêu tại khoản 1 phải bằng giá trị thực của khoản đầu tư được bảo hộ ngay trước khi bị trưng dụng hoặc trước khi nguy cơ bị trưng dụng trở nên công khai, tùy trường hợp nào xảy ra trước, các khoản bồi thường như vậy cũng bao gồm cả lãi suất tính theo lãi suất thương mại thông thường cho tới ngày thanh toán. Khoản bồi thường như vậy được thực thi một cách hiệu quả, tự do chuyển nhượng phù hợp với Điều 2.8 (Chuyển nhượng) và được thực hiện không chậm trễ.

3. Bất kể quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp Việt Nam là Bên trưng dụng, bất kỳ biện pháp trưng dụng trực tiếp nào liên quan đến đất đai phải:

(a) vì mục đích phù hợp với pháp luật và quy định nội địa hiện hành¹¹; và

(b) thanh toán tiền bồi thường tương đương với giá thị trường, có sự thừa nhận của pháp luật và quy định nội địa hiện hành.”

Như vậy, có thể nhận thấy rằng trong cả hai hiệp định này đều đã có quy định là cần xem xét giá trị thị trường của tài sản bị quốc hữu hóa để từ đó xác định khoản bồi thường, và còn cộng thêm cả lãi suất tính từ ngày tài sản bị quốc hữu hóa đến ngày thanh toán. Cả hai đều có quy định việc thanh toán phải diễn ra nhanh chóng (nhanh nhất có thể tính từ thời điểm tài sản bị quốc hữu hóa), thỏa đáng (tương xứng với giá trị của tài sản bị quốc hữu hóa) và hiệu quả (bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi).

Tuy nhiên, lại chưa có một sự phân biệt rạch ròi giữa khoản bồi thường khi quốc hữu hóa trực tiếp hay gián tiếp. Bởi lẽ, trong trường hợp quốc hữu hóa gián tiếp, có thể tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư nhưng nhà đầu tư lại bị mất những lợi ích kinh tế (có thể là những khoản lỗ) nhất định mà không xác định rõ ràng được. Điều này rõ ràng có lợi cho nước tiếp nhận đầu tư.

4. Thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế liên quan đến biện pháp quốc hữu hóa vì mục đích bảo vệ môi trường

Diễn hình có thể kể đến vụ kiện giữa Tập đoàn Methanex với Chính phủ Hoa Kỳ. Theo đó, Methanex là một nhà sản xuất metanol, một thành phần chính trong sản xuất MTBE, một thành phần cấu thành xăng. Biện pháp được đề cập không điều chỉnh trực tiếp việc kinh doanh methanol, nhưng liên quan đến lệnh cấm sử dụng MTBE trong xăng ở California vì lý do môi trường và sức khỏe cộng đồng. Nhà đầu tư lập luận rằng lệnh cấm đã lấy đi thị phần của họ ở California vì họ không còn có thể bán methanol cho các nhà sản xuất MTBE. Theo chủ đầu tư, biện pháp này tương

đương với việc trưng thu. Khi đưa ra lệnh cấm, chính phủ dựa trên một báo cáo khoa học kết luận rằng xăng được sản xuất bằng MTBE có nguy cơ gây ô nhiễm nước uống đáng kể khi nó bị rò rỉ từ tàu chở dầu và đường ống ngầm.

Tòa trọng tài trong cuộc phân xử sau đó nhận thấy rằng quy trình lập pháp ở California dẫn đến lệnh cấm là minh bạch, tuân theo quy trình thích hợp và dựa trên báo cáo khoa học đã được đánh giá ngang hàng. Hơn nữa, tòa án kết luận rằng lệnh cấm là một quy định không phân biệt đối xử vì mục đích công cộng, để bảo vệ môi trường. Do đó, nó không cấu thành sự trưng thu và do đó không thể bồi thường. Cuối cùng, đơn kiện của nhà đầu tư đã bị bác bỏ hoàn toàn.

Qua vụ việc này hoàn toàn có thể thấy rằng sẽ không có quốc hữu hóa xảy ra nếu hành vi, biện pháp nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường của Nhà nước là chính đáng, không mang tính phân biệt đối xử, được thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật và nằm trong phạm vi “quyền kiểm soát vì lợi ích công”. Ở điểm này, có thể học tập Hoa kỳ khi áp dụng khéo léo quốc hữu hóa gián tiếp để áp dụng với tập đoàn Methanex. Bên cạnh đó, có một số yếu tố khác cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả của các vụ tranh chấp như: tác động của nguyên tắc tôn trọng sự kỳ vọng chính đáng của nhà đầu tư, nguyên tắc cân bằng lợi ích,...đặc biệt cần lưu ý những điều khoản ngoại lệ về quốc hữu hóa (bao gồm vấn đề môi trường) trong các hiệp định song phương.

Hơn nữa, có thể nhận thấy rằng khoản thiệt hại được bồi thường phải là khoản đầu tư có liên quan trực tiếp đến tranh chấp, những khoản đầu tư không có liên quan đến tranh chấp sẽ là không hợp lý nếu đồng ý yêu cầu bồi thường.

5. Kinh nghiệm cho Việt Nam trong giải quyết tranh chấp liên quan đến quốc hữu hóa vì môi trường

Thứ nhất, cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương cũng như các cơ quan thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là cơ quan quản lý về đầu tư nhằm phát hiện kịp thời và có những biện pháp khôn khéo nhằm khắc phục thiệt hại, giảm thiểu đến mức thấp nhất. Bởi lẽ, quốc hữu hóa luôn là biện pháp chỉ nên thực hiện khi thật sự cần thiết vì tác động đến môi trường rất khó bù đắp, đặc biệt trong tình trạng ô nhiễm đã lên đến mức báo động đỏ và đang gây hại cực lớn đến đời sống của người dân như hiện nay.

Thứ hai, tăng cường công tác hỗ trợ đối với các dự án đầu tư nước ngoài đặc biệt là các biện pháp hỗ trợ pháp lý liên quan đến pháp luật về môi trường và đầu tư. Cách này vừa làm giảm thiểu nguy cơ xảy ra ảnh hưởng đến môi trường, cũng vừa tạo được mối quan hệ tốt và uy tín, thu hút đầu tư. Đây có thể được coi là cách “đôi bên cùng có lợi”, chúng ta vừa có thể đảm bảo môi trường không bị ô nhiễm, đồng thời cũng tạo nên danh tiếng của nước ta, từ đó, nhiều nhà đầu tư sẽ “nhắm” trúng Việt Nam, vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế, đồng thời là phát triển bền vững.

Thứ ba, để chính phủ có thể bảo vệ môi trường tốt hơn, cần thiết làm rõ những điểm sau đây.

Một là các biện pháp môi trường hợp pháp không tạo ra một quyền yêu cầu bồi thường cho bất kỳ sự giảm giá trị nào của các khoản đầu tư nước ngoài bị ảnh hưởng bởi các biện pháp bảo vệ môi trường. Theo đó, sẽ rất bất lợi trong trường hợp quốc hữu tài sản vì một mục đích chính đáng như bảo vệ môi trường mà vẫn phải chịu một khoản bồi thường, thậm chí lớn hơn giá trị khắc phục ô nhiễm, thậm chí điều này có thể gây ảnh hưởng đến ý thức bảo vệ môi trường của quốc gia. Nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả” vốn đã được khẳng định trong luật quốc tế về môi trường cần trở thành một phần của luật đầu tư quốc tế.

Hai là các biện pháp môi trường hợp pháp bao gồm các biện pháp thực hiện theo nguyên tắc phòng ngừa, chứ không phải đợi đến lúc xảy ra rồi mới tìm cách bù đắp. Bởi lẽ, thiệt hại về môi trường là thiệt hại cực kỳ khó bù đắp và mỗi ngày đều sẽ gây ra những hậu quả cực kỳ lớn cho người dân.

Ba là chính phủ phải có quyền thiết lập các cơ chế bảo vệ môi trường đặc thù của mình khi đó là “cần thiết” để giảm bớt rủi ro môi trường. “Cần thiết” ở đây nên đứng từ góc độ thực tế để xem xét chứ không phải dựa vào quá nhiều những phân tích, đánh giá sau đó mới đưa ra, bởi lẽ khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm môi trường cần nhất là kịp thời, đúng thời điểm.

Thứ tư, cần quy định rõ trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong Luật và Hiệp định, để dễ dàng xử phạt và có các biện pháp kịp thời khi có vi phạm xảy ra, kể cả biện pháp quốc hữu hóa. Trong lĩnh vực Tư pháp quốc tế, Luật quốc gia được coi là nguồn luật cơ bản, có tính áp dụng cao, do đó, đây là một trong những điểm mấu chốt hoàn thiện pháp luật về quốc hữu hóa nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung. Ngay cả trong các Hiệp định song phương, quy định hướng đến bảo vệ môi trường cũng cần được quy định hình thức xử phạt khi có vi phạm xảy ra một cách cụ thể hơn nữa. Việt Nam có thể xem xét vận dụng linh hoạt các quy định được đề cập, đồng thời học hỏi cách quy định các điều khoản tiến bộ này trong việc ban hành chính sách nhằm vừa thu hút đầu tư nước ngoài nhưng vẫn có thể theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia.

6. Kết luận

Mặc dù luật pháp quốc tế đã quy định rõ quốc gia có quyền định đoạt tài sản nằm trong lãnh thổ nước mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, tuy nhiên để bảo đảm đầy đủ quyền lợi của nhà đầu tư, hầu hết các hiệp định song phương đều có điều khoản chống trút hữu và quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong hai hiệp định thương mại tự do thế hệ mới điển hình là CPTPP và EVIPA, có thể thấy xu hướng hiện nay của thế giới là ngày càng đề cao và coi trọng những giá trị bền vững, mà trong đó đặc biệt là bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

Để bảo vệ môi trường tốt hơn trong điều kiện hội nhập toàn cầu như hiện nay, tác giả đề xuất bốn biện pháp mang tính cấp thiết: một là tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương cũng như các cơ quản lý về đầu tư; hai là tăng cường công tác hỗ trợ đối với các dự án đầu tư nước ngoài đặc biệt là các biện pháp hỗ trợ pháp lý liên quan đến pháp luật về môi trường và đầu tư; ba là làm rõ quyền của nhà nước trong trường hợp nhà đầu tư có hành vi gây ô nhiễm môi trường, bốn là cần quy định rõ trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong Luật và Hiệp định, để dễ dàng xử phạt và có các biện pháp kịp thời khi có vi phạm xảy ra.

Tài liệu tham khảo

Cambridge Dictionary. (2021), “Nationalization”, <https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/nationalization>, truy cập ngày 25/03/2021.

Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVIPA).

Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA).

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Investment Policy Hub. (2021), “International Investment Agreements Navigator”, <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements>, truy cập ngày 17/02/2021.

ISDS BLOG. (2015), “Case Summary No. 4”, <http://isdsblog.com/2015/04/16/case-summary-no-4/>, truy cập ngày 19/02/2021.

Kenton, W. (2020), “Investopedia: Nationalization”, <https://www.investopedia.com/terms/n/nationalization.asp>, truy cập ngày 17/02/2021.

Nghị quyết 1803 (XVII) ngày 14/12/1962 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Chủ quyền vĩnh viễn đối với tài nguyên thiên nhiên”.

Trần, V.D. (2016), “Truất hữu tài sản của nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp làm ô nhiễm môi trường”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, Số 05(99), tr. 12 - 19.